

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày 26-6-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Nguyễn Văn Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự thụ lý số 83/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 06 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị B; Sinh năm 1978; tại Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã T, TX Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lê Văn H, đã chết; con bà Nguyễn Thị C; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/01/2024; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn P; sinh năm 1983; ĐKNKTT: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; tạm trú: Số 14/350 Đường H, phường S, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội, anh Nguyễn Văn P, (kinh doanh hoa quả tại chợ hoa quả Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng) có quen biết, kết bạn với Lê Thị B (B sử dụng số điện thoại 0972930271 và tài khoản zalo có tên “Bé Hiền”). B giới thiệu là người ở Cái Bè, Tiền Giang, buôn bán trái cây. Sau khi làm quen, anh P và B đã

thỏa thuận giao dịch mua bán trái cây với nhau nhiều lần (là xoài và mít). Ngày 04/03/2023, P có nhắn tin hỏi B làm mặt hàng xoài, do không có xoài, nên B mời chào anh P mua nhãn. B nhắn tin, gửi hình ảnh nhãn qua tin nhắn Zalo cho anh P, hai bên thống nhất đơn giá 23.000 đồng/kg nhãn, tổng đơn hàng P đặt 16.300 kg nhãn, đóng thành 1.630 giỏ (sọt) có trị giá 374.000.000 (ba trăm bảy mươi bốn triệu) đồng; tiền cước vận chuyển là 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng, tiền hàng và cước vận chuyển anh P trả. B bảo P phải chuyển tiền để đi mua hàng. Sau khi thỏa thuận xong, do B còn nợ tiền một số người bán hàng trước đó, nên đã nảy sinh ý định không nhập hàng cho anh P mà lấy số tiền P chuyển đi trả nợ. B không đi gom hàng nhưng vẫn báo cho P đang đi thu gom hàng nhãn và gửi các hình ảnh việc thu gom nhãn cho anh P để P tin tưởng chuyển tiền. Ngày 06/03/2023, anh P chuyển 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng vào số tài khoản 070075952463 Ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản Lê Thị B để mua hàng. Sau khi nhận được tiền của anh P, B lấy đi trả nợ. Ngày 07/03/2023, B gửi cho anh P số điện thoại 0976977672 và nói với anh P đó là số của lái xe hàng tên Long, hàng sắp được chuyển từ miền Nam ra, xe xuất phát ngày 07/03/2023 đến ngày 09/03/2023 sẽ đến chợ hoa quả Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Ngày 08/03/2023, anh P tiếp tục chuyển thêm cho B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để trả cho số hàng trên. B nói với P xe hàng thứ 2 xuất phát ngày 08/03/2023, sẽ đến chợ hoa quả vào ngày 10/03/2023.

Đến ngày 10/3/2023, khi anh P không liên lạc được với lái xe đồng thời không nhận được hàng như đã thỏa thuận, anh P đòi B trả lại số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng đã chuyển nhưng B không trả nên anh P đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Ngày 10/3/2023 B chuyển trả lại anh P số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ngày 26/6/2023 B chuyển trả anh P số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xác minh tài khoản số 3558886668686 tại Ngân hàng MB chủ tài khoản Nguyễn Văn P và tài khoản số 070075952463 tại Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản Lê Thị B xác định được có 02 giao dịch chuyển tiền giữa 02 tài khoản vào ngày 06/03/2024 và ngày 08/03/2024 phù hợp với nội dung trên.

Xác minh số điện thoại 0976.977.672 kết quả số điện thoại mang tên đăng ký là Lê Minh T. Tại Cơ quan điều tra Tâm khai không biết gì về giao dịch mua bán nhãn giữa B và P, Tâm đã không sử dụng số điện thoại trên từ lâu.

Tiến hành triệu tập Lê Thị B lên làm việc, tại Cơ quan điều tra B khai nhận phù hợp với nội dung trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Thị B 01 điện thoại Realme C12 màu đỏ (đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, không có sim điện thoại) và tiến hành giám định dữ liệu điện thoại. Tại Kết luận giám định số 903/KLGĐ ngày 04/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “Trong mẫu giám định ký hiệu A: +Trích xuất thông tin cuộc hội thoại Zalo gồm 3436 tin nhắn giữa tài khoản có tên hiển thị Bé Hien (ID: 305059279) và tài khoản có tên hiển thị Nguyễn Văn P (ID: 32664341) trên điện thoại REALME có số IMEI1: 866420050628612; IMEI2: 866420050628604”, có nội dung thể hiện

việc giao dịch mua bán giữa Lê Thị B với anh Nguyễn Văn P phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Lời khai của Lê Thị B phù hợp với lời khai người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: 01 điện thoại Realme C12 màu đỏ (đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, không có sim điện thoại) thu giữ của Lê Thị B chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị B đã trả lại cho anh Nguyễn Văn P số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng, anh P không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Bản Cáo trạng số 56/2024/CT-VKS ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố Lê Thị B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp lời khai bị hại, như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị B từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 điện thoại Realme C12 màu đỏ (đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, không có sim điện thoại) là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, bị hại xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, nội dung bản cáo trạng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Anh P và B đã thỏa thuận giao dịch mua bán trái cây với nhau nhiều lần (mặt hàng giao dịch là xoài và mít). Ngày 04/03/2023, anh P có nhắn hỏi B mua xoài, do không có xoài nên B bảo anh P mua nhãn. B nhắn tin, gửi hình ảnh nhãn qua tin nhắn Zalo cho anh P, hai bên thống nhất đơn giá 23.000 đồng/kg nhãn, tổng đơn hàng anh P đặt 16.300 kg nhãn, đóng thành 1.630 giỏ (sọt) có trị giá 374.000.000 (ba trăm bảy mươi bốn triệu) đồng, tiền cước vận chuyển là 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng, tiền hàng và tiền cước vận chuyển anh P trả. B bảo anh P chuyển tiền để đi gom hàng. Sau khi thỏa thuận xong, B còn nợ tiền hàng một số người nên đã nảy sinh ý định không nhập hàng cho anh P mà lấy số tiền anh P chuyển để đi trả nợ. B không đi gom hàng nhưng vẫn báo cho anh P đang đi thu gom hàng nhãn và gửi các hình ảnh về việc thu gom nhãn cho anh P để anh P tin tưởng chuyển tiền. Ngày 06/03/2023, anh P chuyển 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng vào số tài khoản 070075952463 Ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản Lê Thị B để mua hàng, B nói không đủ tiền thu gom hàng. Sau khi nhận được tiền của anh P, B lấy đi trả nợ của mình. Ngày 07/03/2023, B gửi cho anh P số điện thoại 0976977672 và nói với anh P là số của lái xe hàng tên Long, hàng sắp được chuyển từ miền Nam ra, xe xuất phát ngày 07/03/2023 đến ngày 09/03/2023 đến chợ hoa quả Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Ngày 08/03/2023, anh P chuyển thêm cho B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. B nói với anh P xe hàng thứ 2 xuất phát ngày 08/03/2023, đến ngày 10/03/2023 xe đến chợ hoa quả. Đến ngày 08 và ngày 10/3/2023, khi anh P không liên lạc được với lái xe đồng thời không nhận được hàng như đã thỏa thuận. Anh P đòi B trả lại số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng đã chuyển mua số hàng trên, nhưng B không trả nên anh P đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. B dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh P số tiền 160.000.000 đồng vào ngày 06/3/2023 và ngày 08/3/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ:

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng (có Bác ruột là ông Nguyễn Văn Hường, Liệt sỹ), nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác gây mất trật tự xã hội, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xong cũng xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng (có ông Nguyễn Văn Hường, là Liệt sỹ), bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là lao động chính trong gia đình (nuôi mẹ già ốm đau, chị gái tâm thần), có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Realme C12 màu đỏ (đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, không có sim điện thoại) thu giữ của Lê Thị B là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt, đã trả lại đầy đủ cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[09] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

[10] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Lê Thị B 30 (ba mươi) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị B cho Ủy ban nhân dân xã T, TX Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 4 Điều 92, khoản 4 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự: Tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo hưởng án treo. Hủy bỏ biện pháp Bảo lãnh đối với bị cáo được hưởng án treo.

2. Về xử lý tang vật:

Căn cứ Điều a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu REALME đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lê Thị B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T, TX Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thường